



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 44

17
12
ÔN
NH
M
M
OÁ
TÁ
QU
C
XL
AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Ramoncito S. Fernandez	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2015)
Ông Rodrigo E. Franco	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Roberto V. Bontia	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2015)
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2015)
Ông Nguyễn Văn Thông	Giám đốc tài chính

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 05.03/2016/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 3 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 44 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-1
TP. Hà Nội, ngày 3 tháng 3 năm 2016

Lương Giang Thạch
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2013-072-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015


Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		403.898.088.793	130.331.059.173
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.719.447.716	7.460.931.974
1. Tiền	111		1.049.447.716	7.460.931.974
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.670.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	15.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		336.471.820.417	100.711.681.418
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	46.445.778.829	54.084.767.728
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.438.866.006	3.525.161.697
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9.a	142.663.082.744	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	148.997.534.097	46.996.363.768
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(5.073.441.259)	(3.894.611.775)
IV. Hàng tồn kho	140	12	43.096.407.119	20.376.150.484
1. Hàng tồn kho	141		43.724.014.691	21.003.758.056
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(627.607.572)	(627.607.572)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.610.413.541	1.782.295.297
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		64.897.726	93.941.251
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		858.147.202	985.433
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	13.a	1.687.368.613	1.687.368.613
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.951.455.698.795	1.239.720.393.579
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		231.425.250.000	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9.b	231.425.250.000	-
II. Tài sản cố định	220		1.686.942.300	709.591.259
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.666.950.315	684.599.270
- Nguyên giá	222		2.008.990.526	854.759.656
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(342.040.211)	(170.160.386)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	19.991.985	24.991.989
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.008.015)	(25.008.011)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		396.496.411	129.021.273
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		396.496.411	129.021.273
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	2.717.947.010.084	1.238.738.302.478
1. Đầu tư vào công ty con	251	16.a	2.232.150.422.644	1.027.192.076.068
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16.b	295.193.833.284	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16.c	2.902.900.000	2.902.900.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16.c	(2.902.900.000)	(2.902.900.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6.b	190.602.754.156	211.546.226.410
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	143.478.569
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	143.478.569
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.355.353.787.588	1.370.051.452.752

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015


Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.263.413.537.423	1.075.124.134.626
I. Nợ ngắn hạn	310		686.645.848.248	120.685.766.327
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	17.126.781.929	28.688.495.191
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.395.252.220	8.932.118.668
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13.b	10.758.364	2.134.815
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	11.261.063.808	15.662.221.078
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		246.201.184	250.747.717
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	123.213.911.922	506.779.105
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	527.351.500.000	58.280.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.040.378.821	8.363.269.753
II. Nợ dài hạn	330		576.767.689.175	954.438.368.299
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	78.252.220.500	779.531.468.549
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	498.515.468.675	174.906.899.750
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.091.940.250.165	294.927.318.126
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	2.091.940.250.165	294.927.318.126
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	225.169.550.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	225.169.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	-
3. Cổ phiếu quỹ	415		-	(5.362.083.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.061.076.378	8.180.864.378
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		142.673.775.691	66.938.987.652
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.292.748.932	3.033.448.266
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		135.381.026.759	63.905.539.386
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.355.353.787.588	1.370.051.452.752


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 3 tháng 3 năm 2016


Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	141.690.555.222	266.247.647.536
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	136.365.805	1.519.949.323
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		141.554.189.417	264.727.698.213
4. Giá vốn hàng bán	11	24	133.117.589.289	234.295.616.934
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.436.600.128	30.432.081.279
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	292.111.209.542	120.404.612.315
7. Chi phí tài chính	22	26	116.619.851.866	65.906.751.868
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		96.759.237.398	43.535.494.104
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	525.647.702	5.226.444.979
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	5.841.141.743	6.027.029.059
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		177.561.168.359	73.676.467.688
11. Thu nhập khác	31	28	99.474.553	299.399.295.268
12. Chi phí khác	32	29	56.404.873	297.892.776.570
13. Lợi nhuận khác	40		43.069.680	1.506.518.698
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		177.604.238.039	75.182.986.386
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		177.604.238.039	75.182.986.386



Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 3 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		157.339.201.326	282.991.470.340
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(157.360.437.410)	(186.679.830.501)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(2.424.214.043)	(11.390.210.379)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(104.342.985.425)	(47.278.206.380)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		-	(4.082.423.673)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		2.201.515.725	97.110.700.396
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(3.792.938.560)	(71.099.891.536)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(108.379.858.387)	59.571.608.267
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.259.963.958)	(7.869.135.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18.123.403.068	304.207.388.638
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(605.467.000.000)	(291.786.899.750)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		239.316.584.665	73.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (i)	25		(1.716.283.045.084)	(595.032.698.634)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		203.533.440.000	249.652.230.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		188.319.998.560	103.672.132.168
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.673.716.582.749)	(163.956.982.941)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		732.547.052.000	-
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(5.353.088.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.585.766.818.925	656.552.937.192
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(437.586.750.000)	(546.113.798.003)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(99.373.281.200)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.781.353.839.725	105.086.051.189
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(742.601.411)	700.676.515
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.460.931.974	6.759.914.370
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.117.153	341.089
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		6.719.447.716	7.460.931.974

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(i) Dòng tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Mã số 25): Trong năm, Công ty đã chi 1.406.164.211.800 VND đầu tư vào các công ty con và 310.118.833.284 VND chi đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết. Chỉ tiêu này không bao gồm số tiền trị giá 980 tỷ VND liên quan đến việc Công ty phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thông qua hình thức hoán đổi các khoản nợ phải trả liên quan đến việc nhận chuyển các công ty dự án cầu đường. Một khoản tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm nợ phải trả tương ứng đã được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán mà không được trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 3 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (trước đây là Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia), (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 11 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm hoạt động

Công ty đã nhận chuyển nhượng các công ty quản lý các dự án cầu đường như Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận; Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội và Công ty TNHH BOT Rạch Miễu từ Công ty mẹ- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm, Công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận theo thỏa thuận liên danh thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng B.O.T.

Trong năm, Công ty đã phát hành 170.337.810 cổ phần, tương đương 1.703.378.100.000 VND, tăng vốn điều lệ từ 225.169.550.000 VND lên 1.928.547.650.000 VND, trong đó bao gồm 1.200.000 cổ phần được chuyển đổi từ trái phiếu phát hành cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán các khoản công nợ từ nhận chuyển nhượng các công ty về dự án cầu đường như đã nêu ở trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang đầu tư vào bảy (7) công ty con và hai (2) công ty liên doanh, liên kết, bao gồm các công ty đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con khác. Thông tin chi tiết về các công ty đang được đầu tư này như sau:

Công ty con đầu tư trực tiếp

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	TP.Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	TP.Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	TP.Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	TP.Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	TP.Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	TP.Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường

Công ty con đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	49,75%	49,75%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu
Công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	TP.Hồ Chí Minh	15%	15%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200. Một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được trình bày lại theo Thông tư này, do đó số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014. Chi tiết các khoản mục được trình bày lại được thể hiện tại Thuyết minh số 36.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Công ty mẹ không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.220.183	211.835.241
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.048.227.533	7.249.096.733
Các khoản tương đương tiền (i)	5.670.000.000	-
Cộng	6.719.447.716	7.460.931.974

(i) Các khoản tương đương tiền là số dư tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dưới 3 tháng.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND
a. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
b. Dài hạn				
Vốn hợp tác đầu tư	190.602.754.156	190.602.754.156	211.546.226.410	211.546.226.410

Số dư khoản vốn hợp tác đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện giá trị phần góp vốn của Công ty theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội, hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của mỗi bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty CP Him Lam	13.894.266.899	16.181.362.569
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	4.028.570.767	-
Ông Trịnh Văn Hà	4.526.151.579	6.300.000.023
Các khách hàng khác	23.996.789.584	31.603.405.136
Cộng	46.445.778.829	54.084.767.728
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	324.990.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Phát triển Ninh Thuận	424.752.103	424.752.103
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	225.643.033	225.643.033
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII	-	850.996.290
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	191.592.923
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	4.143.778	5.316.408.508
Cộng	979.528.914	7.009.392.857

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xây dựng Minh Đạt	1.450.000.000	-
Công ty CP Kim Sơn Hải	820.000.000	820.000.000
Công ty TNHH Thiết kế Kiến trúc Xây dựng và Quản lý dự án Sáng Tạo Mới	528.185.000	528.185.000
Các đối tượng khác	640.681.006	2.176.976.697
Cộng	3.438.866.006	3.525.161.697
<i>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	115.500.000	-
Cộng	115.500.000	-

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a. Ngắn hạn		
Khoản cho công ty mẹ vay - Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	142.663.082.744	-
Cộng	142.663.082.744	-

(i) Số dư cuối kỳ theo hợp đồng cho vay có thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 21 tháng 7 năm 2016 với lãi suất cho vay là 11%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
b. Dài hạn		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (ii)	231.425.250.000	
Cộng	231.425.250.000	-

(ii) Khoản cho vay theo hợp đồng cho vay đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng cho khoản vay này kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2017 là 8,5%/năm. Kể từ ngày 1 tháng 5 năm 2017 cho đến khi khoản nợ gốc được thanh toán hết, lãi suất cho vay áp dụng là 0%. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi cổ phần mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu tại Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	96.112.522.212	7.474.404.488
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận</i>	57.307.658.030	-
<i>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</i>	38.804.864.182	-
<i>Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn</i>	-	84.861.431
<i>Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</i>	-	7.389.543.057
Phải thu người lao động	42.274.000	19.924.000
Ký cược, ký quỹ	9.000.000	9.000.000
Các khoản chi hộ	33.415.413	140.962.288
<i>Khách hàng mua căn hộ Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia</i>	-	31.111.568
<i>Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</i>	-	1.046.388
Phải thu lãi cho vay từ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	15.117.640.175	-
Các khoản phải thu khác	37.682.682.297	39.352.072.992
<i>Phải thu về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc từ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</i>	37.274.300.930	20.815.288.557
<i>Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</i>	-	18.128.403.068
<i>Phải thu đối tượng khác</i>	408.381.367	408.381.367
Cộng	148.997.534.097	46.996.363.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2015		01/01/2015		Thời gian quá hạn	Thời gian quá hạn	Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi			
	VND	VND	VND	VND			
Phải thu từ ứng trước tiên hàng	820.000.000	- >3 năm	820.000.000	- >3 năm			Công ty CP Kim Sơn Hải
Phải thu thi công công trình	546.339.201	- >3 năm	546.339.201	>3 năm			Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị
Phải thu thi công công trình	369.361.503	- >3 năm	460.983.579	- >3 năm			Công ty CTGT 621
Phải thu thi công công trình	790.479.419	82.650.429 >3 năm	618.445.231	- >3 năm			Các khách hàng khác
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	528.185.000	- >3 năm	528.185.000	528.185.000 >3 năm			Công ty TNHH TK KT XD QLDA Sáng Tạo Mới
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	457.951.000	- 2-3 năm	352.270.000	352.270.000 1-2 năm			Công ty TNHH PT Công Nghệ Môi Trường Phan Việt
Phải thu từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.205.851.697	36.591.650 2-3 năm	887.668.397	- >3 năm			Các khách hàng khác
Phải thu khác	474.515.518	- >3 năm	561.175.367	- >3 năm			Các đối tượng khác
Cộng	5.192.683.338	119.242.079	4.775.066.775	880.455.000			
Giá trị đã lập dự phòng	5.073.441.259		3.894.611.775				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.650.364	(32.650.364)	32.650.364	(32.650.364)
Công cụ, dụng cụ	1.456.000	(1.456.000)	1.456.000	(1.456.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	43.096.407.119	-	20.376.150.484	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang</i>	<i>8.348.563.550</i>	<i>-</i>	<i>20.376.150.484</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dờ dang</i>	<i>155.987.195</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác</i>	<i>34.591.856.374</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thành phẩm	528.730.757	(528.730.757)	528.730.757	(528.730.757)
Hàng hóa	64.770.451	(64.770.451)	64.770.451	(64.770.451)
Cộng	43.724.014.691	(627.607.572)	21.003.758.056	(627.607.572)

Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng cho giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển, lỗi thời.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp trong	31/12/2015
	VND	trong năm VND	năm VND	VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.110.797.025	-	-	1.110.797.025
Tiền thuế đất nộp thừa	576.571.588	-	-	576.571.588
Cộng	1.687.368.613	-	-	1.687.368.613
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	-	1.704.908.949	1.704.908.949	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.134.815	1.073.481.253	1.064.857.704	10.758.364
Các loại thuế khác	-	29.122.209	29.122.209	-
Cộng	2.134.815	2.807.512.411	2.798.888.862	10.758.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	854.759.656	-	854.759.656
Mua trong năm	-	1.154.230.870	1.154.230.870
Tại ngày 31/12/2015	854.759.656	1.154.230.870	2.008.990.526
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	170.160.386	-	170.160.386
Khấu hao trong năm	85.804.656	86.075.169	171.879.825
Tại ngày 31/12/2015	255.965.042	86.075.169	342.040.211
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	684.599.270	-	684.599.270
Tại ngày 31/12/2015	598.794.614	1.068.155.701	1.666.950.315

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền phần mềm VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015 và tại ngày 31/12/2015	50.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	25.008.011
Khấu hao trong năm	5.000.004
Tại ngày 31/12/2015	30.008.015
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2015	24.991.989
Tại ngày 31/12/2015	19.991.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

a. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	430.425.833.333	-	-	-
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	335.996.028.454	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	300.659.554.167	-	-	-
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	78.000.000.000	-	78.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	828.193.006.690	-	949.192.076.068	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	258.876.000.000	-	-	-
Cộng	2.232.150.422.644	-	1.027.192.076.068	-

Công ty không xác định giá trị hợp lý của các công ty con tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng do chưa có hướng dẫn cụ thể và nhất quán về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	63.568.623.284	-	-	-
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	231.625.210.000	-	-	-
Cộng	295.193.833.284	-	-	-

Công ty không xác định giá trị hợp lý của các công ty liên kết tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng do chưa có hướng dẫn cụ thể và nhất quán về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán các khoản đầu tư này.

Giao dịch trọng yếu với các công ty liên doanh, liên kết trong năm

Thu tiền cung cấp dịch vụ tư vấn thu phí
giao thông

3.085.390.000

2015
VND

2014
VND

Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG

Cho vay

6.000.000.000

-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 01/01/2015 và 31/12/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Đầu tư AQUA	2.902.900.000	(2.902.900.000)	-
Cộng	2.902.900.000	(2.902.900.000)	-

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty TNHH Kiến trúc và Môi trường	2.580.195.998	2.580.195.998	2.580.195.998	2.580.195.998
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	13.903.900.656	13.903.900.656	20.350.002.087	20.350.002.087
Các nhà cung cấp khác	642.685.275	642.685.275	5.758.297.106	5.758.297.106
Cộng	17.126.781.929	17.126.781.929	28.688.495.191	28.688.495.191

Trong đó, phải trả các bên liên quan

Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	13.903.900.656	13.903.900.656	20.350.002.087	20.350.002.087
Cộng	13.903.900.656	13.903.900.656	20.350.002.087	20.350.002.087

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị phải trả	3.048.532.072	10.926.576.313
Chi phí lãi vay phải trả	8.147.531.736	4.598.963.856
Chi phí phải trả khác	65.000.000	136.680.909
Cộng	11.261.063.808	15.662.221.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	-	7.230.438
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần con (i)	102.292.870.000	-
Khoản nhận trước lợi nhuận từ công ty liên kết (ii)	20.459.140.258	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	461.901.664	499.548.667
Cộng	123.213.911.922	506.779.105
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	78.252.220.500	78.252.220.500
Phải trả phí chuyển nhượng các khoản đầu tư vào công ty con	-	701.279.248.049
Cộng	78.252.220.500	779.531.468.549
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong đó, phải trả các bên liên quan		
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	102.292.870.000	-
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu (ii)	20.459.140.258	-
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII (iii)	78.000.000.000	78.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	-	701.279.248.049
Cộng	200.752.010.258	779.279.248.049

(i) Số dư phải trả cho Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn thể hiện khoản tiền nhận trước để bán lại cổ phiếu của công ty con này làm cổ phiếu quỹ. Khoản phải trả này sẽ được giảm trừ vào giá trị khoản đầu tư vào công ty con khi công ty con hoàn thành thủ tục pháp lý để giảm vốn điều lệ.

(ii) Số dư phải trả cho Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu thể hiện khoản tiền nhận tạm ứng lợi nhuận từ công ty liên kết này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu chưa công bố chính thức việc chia lợi nhuận nên Công ty chưa ghi nhận khoản thu nhập này vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

(iii) Số dư tiền nhận ký quỹ, ký cược từ Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII để mua lại toàn bộ cổ phần của Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia mà Công ty đang nắm giữ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát đối với Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Ngân hạn

	31/12/2015		Phát sinh trong năm		01/01/2015	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	462.850.500.000	462.850.500.000	1.011.347.250.000	548.496.750.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Cộng vay ngân hạn	462.850.500.000	462.850.500.000	1.155.347.250.000	692.496.750.000	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 20b)	64.501.000.000	64.501.000.000			58.280.000.000	58.280.000.000
Cộng	527.351.500.000	527.351.500.000			58.280.000.000	58.280.000.000

(i) Khoản vay ngắn hạn từ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận - Doanh nghiệp dự án thực hiện đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ 1 phần vốn đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để đầu tư vào dự án. Lãi suất vay được tính bằng lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân + biên độ 3%/năm, thời hạn vay được quy định trong từng công văn cụ thể cho từng lần giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (ii)	160.336.899.750	160.336.899.750	-	72.850.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (iii)	402.679.568.925	402.679.568.925	410.919.568.925	8.240.000.000
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	19.500.000.000	-
Cộng vay dài hạn	563.016.468.675	563.016.468.675	430.419.568.925	100.590.000.000
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(64.501.000.000)	(64.501.000.000)		(58.280.000.000)
Cộng	498.515.468.675	498.515.468.675	408.093.799.500	408.093.799.500

(ii) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn nhằm mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 275 tỷ VND, thời hạn giải ngân đến hết ngày 21 tháng 10 năm 2016. Thời hạn vay được quy định cụ thể tại từng kế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 48 tháng. Lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân là 10%/năm, lãi suất này được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng một lần. Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế có được từ khoản hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc để đảm bảo cho khoản vay này.

(iii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn nhằm mục đích thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miếu. Thời hạn vay là 102 tháng tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2015 đối với hợp đồng vay có hạn mức tín dụng là 219 tỷ VND và 72 tháng tính từ ngày 2 tháng 12 năm 2015 đối với hợp đồng vay có hạn mức tín dụng là 191,920 tỷ VND. Lãi suất thả nổi và được điều chỉnh sáu tháng một lần vào các ngày 1 tháng 1 và 1 tháng 7 hàng năm. Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế có được từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miếu để đảm bảo cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	64.501.000.000	58.280.000.000
Trong năm thứ hai	71.043.000.000	58.280.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	139.386.899.750	116.626.899.750
Sau năm năm	288.085.568.925	-
Cộng	563.016.468.675	233.186.899.750
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(64.501.000.000)	(58.280.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	498.515.468.675	174.906.899.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	151.507.190.000	53.265.105.182	(5.362.083.904)	4.421.715.378	23.465.703.084	227.297.629.740
Tăng vốn trong năm	73.662.360.000	(53.230.105.182)	-	-	(20.432.254.818)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	75.182.986.386	75.182.986.386
Chi phí phát hành thêm cổ phiếu	-	(35.000.000)	-	-	-	(35.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.759.149.000	(3.759.149.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.518.298.000)	(7.518.298.000)
Tại ngày 01/01/2015	225.169.550.000	-	(5.362.083.904)	8.180.864.378	66.938.987.652	294.927.318.126
Tăng vốn trong năm	1.703.378.100.000	-	-	-	-	1.703.378.100.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	177.604.238.039	177.604.238.039
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	3.807.748.096	5.362.083.904	-	-	9.169.832.000
Chi phí phát hành thêm cổ phiếu	-	(150.000.000)	-	-	-	(150.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(99.373.259.000)	(99.373.259.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.880.212.000	(8.880.212.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015	-	-	-	-	(532.813.000)	(532.813.000)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014	-	-	-	-	6.916.834.000	6.916.834.000
Tại ngày 31/12/2015	1.928.547.650.000	3.657.748.096	-	17.061.076.378	142.673.775.691	2.091.940.250.165

Trong năm, Công ty đã phát hành 170.337.810 cổ phần, tương đương 1.703.378.100.000 VND, tăng vốn điều lệ từ 225.169.550.000 VND lên 1.928.547.650.000 VND. Chi tiết các đợt tăng vốn như sau:

- Ngày 28 tháng 1 năm 2015 phát hành 35.700.000 cổ phiếu riêng lẻ cho công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ngày 9 tháng 3 năm 2015 phát hành quyền mua 14.637.810 cổ phiếu cho tất cả cổ đông hiện hữu của Công ty;
- Ngày 28 tháng 8 năm 2015 Công ty chuyển đổi 1.200.000 cổ phiếu từ trái phiếu chuyển đổi phát hành cho công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán các khoản công nợ từ nhận chuyển nhượng các công ty dự án cầu đường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Cổ phần

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	192.854.765	22.516.955
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	192.854.765	22.516.955
+ Cổ phần phổ thông	192.854.765	22.516.955
Số lượng cổ phần được mua lại	-	418.210
+ Cổ phần phổ thông	-	418.210
Số lượng cổ phần đang lưu hành	192.854.765	22.098.745
+ Cổ phần phổ thông	192.854.765	22.098.745
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần.		

c. Cổ tức

Trong năm, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 23 tháng 4 năm 2015 với tỷ lệ 12% và cổ tức năm 2015 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 8 năm 2015 với tỷ lệ 10%.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.548.000.271	61.391.157.209
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.677.989.654	19.640.479.156
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	134.063.195.887	168.589.744.743
Doanh thu căn hộ Lữ Gia	1.401.369.410	16.626.266.428
Cộng	141.690.555.222	266.247.647.536

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	2015	2014
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	136.365.805	1.519.949.323
Cộng	136.365.805	1.519.949.323

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.548.000.271	58.470.634.235
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	178.810.331	9.393.687.581
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	130.043.308.379	152.427.231.314
Giá vốn căn hộ Lữ Gia	1.347.470.308	14.004.063.804
Cộng	133.117.589.289	234.295.616.934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	241.727.619.150	101.784.067.760
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiếc	32.032.393.439	7.389.543.057
Lãi từ góp vốn hợp tác kinh doanh	-	10.668.418.651
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.350.079.800	477.958.050
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.117.153	84.624.797
Cộng	292.111.209.542	120.404.612.315

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	45.217.832.492	15.153.197.420
Lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng (i)	51.541.404.906	28.382.296.684
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	19.781.915.368	19.467.640.615
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	2.902.900.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	717.149
Chi phí tài chính khác	78.699.100	-
Cộng	116.619.851.866	65.906.751.868

(i) Chi phí lãi chậm thanh toán phí nhận chuyển nhượng các công ty dự án cầu đường cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	2015 VND	2014 VND
Chi phí vận chuyển hàng bán	69.000.000	3.124.304.758
Chi phí lương nhân viên	-	760.801.074
Chi phí hoa hồng bán hàng	-	583.730.060
Các khoản chi phí bán hàng khác	456.647.702	757.609.087
Cộng	525.647.702	5.226.444.979

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lương nhân viên	1.431.745.991	2.424.913.270
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	303.082.831	266.449.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.075.173	87.530.294
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.270.451.560	666.658.047
Chi phí thuê văn phòng	420.000.000	105.000.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.438.408.264	2.476.478.148
Cộng	5.954.763.819	6.027.029.059

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm

	2015 VND	2014 VND
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(91.622.076)	-
Các khoản ghi giảm khác	(22.000.000)	-
Cộng	(113.622.076)	-

28. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Thanh lý tài sản cố định	-	298.536.249.844
Tiền thuế đất nộp thừa	-	576.571.588
Tiền đặt cọc hợp đồng mua căn hộ bị hủy	-	250.851.000
Thu nhập khác	99.474.553	35.622.836
Cộng	99.474.553	299.399.295.268

29. CHI PHÍ KHÁC

Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	297.782.039.535
Phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế	-	-
Lãi phạt do chậm bàn giao căn hộ	-	79.461.035
Phạt vi phạm hành chính	22.297.427	30.200.000
Chi phí khác	34.107.446	1.076.000
Cộng	56.404.873	297.892.776.570

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	-	58.165.487.453
Chi phí nhân công	1.431.745.991	10.992.047.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	176.879.829	4.222.694.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.650.388.891	131.129.117.421
Chi phí bằng tiền khác	68.534.539	3.977.816.345
Chi phí khác	1.156.829.484	1.328.038.047
Cộng	139.484.378.734	209.815.201.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 VND	2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	177.604.238.039	75.182.986.386
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	(273.760.012.589)	(109.173.610.817)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(273.760.012.589)</i>	<i>(109.173.610.817)</i>
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	19.010.461.987	27.517.231.420
<i>Chi phí lãi vay góp vốn vào công ty con</i>	<i>-</i>	<i>18.692.923.495</i>
<i>Chi phí lãi vay góp vốn đầu tư khác</i>	<i>18.954.057.114</i>	<i>5.891.207.925</i>
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>56.404.873</i>	<i>2.933.100.000</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	(77.145.312.563)	(6.473.393.011)
Lỗ tính thuế mang sang	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(77.145.312.563)	(6.473.393.011)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	22%
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Thuế TNDN được giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 5 bộ phận như sau: hoạt động kinh doanh bán hàng; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; hoạt động cho thuê mặt bằng; hoạt động tư vấn thu phí giao thông; và hoạt động kinh doanh mua bán căn hộ.

Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động kinh doanh bán hàng: kinh doanh cần đèn, trụ đèn, trụ điện lực, thiết bị điện;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cho thuê mặt bằng: cho thuê văn phòng, kho bãi;
- Hoạt động tư vấn thu phí giao thông: tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: kinh doanh bán căn hộ tại dự án 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Năm 2015

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Dịch vụ cho thuê mặt bằng VND	Dịch vụ tư vấn thu phí giao thông VND	Bán căn hộ Lữ Gia VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần						
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.548.000.271	134.063.195.887	1.873.089.654	2.804.900.000	1.265.003.605	141.554.189.417
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Cộng	1.548.000.271	134.063.195.887	1.873.089.654	2.804.900.000	1.265.003.605	141.554.189.417
Giá vốn						
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	1.548.000.271	130.043.308.379	178.810.331	-	1.347.470.308	133.117.589.289
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Cộng	1.548.000.271	130.043.308.379	178.810.331	-	1.347.470.308	133.117.589.289
Lợi nhuận gộp bộ phận	-	4.019.887.508	1.694.279.323	2.804.900.000	(82.466.703)	8.436.600.128
Doanh thu hoạt động tài chính						292.111.209.542
Chi phí tài chính						116.619.851.866
Chi phí bán hàng						525.647.702
Chi phí quản lý doanh nghiệp						5.841.141.743
Thu nhập khác						99.474.553
Chi phí khác						56.404.873
Chi phí thuế TNDN hiện hành						-
Tổng lợi nhuận sau thuế						177.604.238.039

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Năm 2014

Chi tiêu	Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Dịch vụ cho thuê mặt bằng VND	Dịch vụ tư vấn thu phí giao thông VND	Bán căn hộ Lữ Gia VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần						
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	61.391.157.209	168.589.744.743	19.640.479.156	-	15.106.317.105	264.727.698.213
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Cộng	61.391.157.209	168.589.744.743	19.640.479.156	-	15.106.317.105	264.727.698.213
Giá vốn						
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	58.470.634.235	152.427.231.314	9.393.687.581	-	14.004.063.804	234.295.616.934
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Cộng	58.470.634.235	152.427.231.314	9.393.687.581	-	14.004.063.804	234.295.616.934
Lợi nhuận gộp bộ phận	2.920.522.974	16.162.513.429	10.246.791.575	-	1.102.253.301	30.432.081.279
Doanh thu hoạt động tài chính						120.404.612.315
Chi phí tài chính						65.906.751.868
Chi phí bán hàng						5.226.444.979
Chi phí quản lý doanh nghiệp						6.027.029.059
Thu nhập khác						299.399.295.268
Chi phí khác						297.892.776.570
Chi phí thuế TNDN hiện hành						-
Tổng lợi nhuận sau thuế						75.182.986.386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.025.866.968.675	233.186.899.750
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(6.719.447.716)	(7.460.931.974)
Nợ thuần	1.019.147.520.959	225.725.967.776
Vốn chủ sở hữu	2.091.940.250.165	294.927.318.126
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	49%	77%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	6.719.447.716	7.460.931.974
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	43.652.989.087	51.476.331.320
Phải thu về cho vay	374.088.332.744	-
Phải thu khác	148.526.954.730	46.568.058.401
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.717.947.010.084	1.238.738.302.478
Cộng	3.305.934.734.361	1.344.243.624.173
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.025.866.968.675	233.186.899.750
Phải trả người bán	17.126.781.929	28.688.495.191
Phải trả khác	714.122.164	701.778.796.716
Cộng	1.043.707.872.768	963.654.191.657

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính gồm có rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty chỉ chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	22.854.730	22.005.394

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào các công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty được đánh giá ở mức độ không trọng yếu bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các đối tác kinh doanh lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2015			
Tài sản tài chính			
Tiền và tương đương tiền	6.719.447.716	-	6.719.447.716
Đầu tư ngắn hạn	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Phải thu khách hàng	43.652.989.087	-	43.652.989.087
Phải thu về cho vay	142.663.082.744	231.425.250.000	374.088.332.744
Phải thu khác	148.526.954.730	-	148.526.954.730
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	2.717.947.010.084	2.717.947.010.084
Cộng	356.562.474.277	2.949.372.260.084	3.305.934.734.361
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	527.351.500.000	498.515.468.675	1.025.866.968.675
Phải trả người bán	17.126.781.929	-	17.126.781.929
Phải trả khác	461.901.664	252.220.500	714.122.164
Cộng	544.940.183.593	498.767.689.175	1.043.707.872.768
Chênh lệch thanh khoản thuần	(188.377.709.316)	2.450.604.570.909	2.262.226.861.593
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015			
Tài sản tài chính			
Tiền và tương đương tiền	7.460.931.974	-	7.460.931.974
Phải thu khách hàng	51.476.331.320	-	51.476.331.320
Phải thu khác	46.568.058.401	-	46.568.058.401
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	1.238.738.302.478	1.238.738.302.478
Cộng	105.505.321.695	1.238.738.302.478	1.344.243.624.173
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	58.280.000.000	174.906.899.750	233.186.899.750
Phải trả người bán	28.688.495.191	-	28.688.495.191
Phải trả khác	-	702.031.017.216	702.031.017.216
Cộng	86.968.495.191	876.937.916.966	963.906.412.157
Chênh lệch thanh khoản thuần	18.536.826.504	361.800.385.512	380.337.212.016

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn

Trong năm, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	2015 VND	2014 VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Nhận tiền vay	1.011.347.250.000	114.552.817.782
Thanh toán tiền vay	548.496.750.000	208.545.592.945
Chi phí lãi vay	29.487.249.741	3.101.320.880
Thanh toán lãi vay	28.896.227.976	-
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho công ty mẹ	1.557.000.000.000	-
Thanh toán cổ tức	52.770.990.800	-
Nhận chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường	1.034.995.010.784	1.068.311.946.683
Chi phí lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp các công ty cầu đường	69.388.891.262	28.382.296.684
Thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường	1.736.274.258.833	-
Thanh toán lãi do chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường	68.960.388.596	-
Chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	-	150.000.000.000
Chuyển tiền góp vốn hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiểu	-	233.186.899.750
Lãi phát sinh từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiểu	32.032.393.439	7.389.543.057
Thu tiền lợi nhuận theo hợp đồng hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiểu	7.389.543.057	-
Thu tiền hoàn vốn góp đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư cầu Rạch Chiểu	21.640.673.340	-
Lãi phát sinh từ góp vốn hợp tác kinh doanh	-	10.668.418.651
Chuyển tiền cho vay	262.000.000.000	17.600.000.000
Nhận lại tiền cho vay	119.336.917.256	32.200.000.000
Lãi cho vay	2.994.289.767	1.430.244.445
Thu lãi cho vay	2.209.642.812	1.771.550.001
Thu tiền cho thuê mặt bằng	324.990.000	974.970.000
Doanh thu cho thuê mặt bằng	590.892.000	762.984.743

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	2015 VND	2014 VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG		
Cho vay	6.000.000.000	-
Thu hồi tiền cho vay	6.000.000.000	-
Lãi cho vay	115.766.666	-
Nhận tiền lãi cho vay	115.766.666	-
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII		
Doanh thu bán hàng hóa	-	518.329.182
Nhận tiền vay	-	129.400.000.000
Thanh toán tiền vay	-	129.400.000.000
Chi phí lãi vay	-	2.557.500.001
Thu tiền bán hàng hóa	886.546.290	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia		
Thu nhập thanh lý hàng tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	236.605.211.858
Thu tiền thanh lý bất động sản đầu tư và bất động sản đầu tư	18.123.403.068	236.800.000.000
Góp vốn trong năm	-	150.000.000.000
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	400.000.000	-
Thu tiền hỗ trợ vốn	405.000.000	-
Chi phí thuê mặt bằng	491.057.533	105.000.000
Thanh toán tiền thuê mặt bằng	771.163.286	-
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	2015 VND	2014 VND
Lương và thưởng	794.256.000	835.351.000

35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 25 tháng 2 năm 2016, Công ty thông báo chia cổ tức đợt cuối của năm 2015 với tỷ lệ 6% theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 8 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)


MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. SỐ LIỆU SO SÁNH


Như đã nêu tại Thuyết minh số 3, Công ty áp dụng Thông tư số 200 vào việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Để thông tin trên Báo cáo tài chính riêng có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Các chỉ tiêu	01/01/2015 Theo QĐ 15	Trình bày lại	01/01/2015 Trình bày lại
Tài sản ngắn hạn	52.526.765.826	-	52.526.765.826
Phải thu ngắn hạn khác	50.651.342.067	1.875.423.759	52.526.765.826
Tài sản ngắn hạn khác	1.875.423.759	(1.875.423.759)	-
Tài sản dài hạn	214.449.126.410	-	214.449.126.410
Đầu tư dài hạn khác	214.449.126.410	(214.449.126.410)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.902.900.000	2.902.900.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	211.546.226.410	211.546.226.410
Cộng tài sản	266.975.892.236	-	266.975.892.236
Vốn chủ sở hữu	8.481.118.965	-	8.481.118.965
Quỹ đầu tư phát triển	7.555.936.134	925.182.831	8.481.118.965
Quỹ dự phòng tài chính	925.182.831	(925.182.831)	-
Cộng nguồn vốn	8.481.118.965	-	8.481.118.965


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 3 tháng 3 năm 2016


Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

T.C.P.H.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited



Chi nhánh tại Thành phố Hải Phòng:

Số 4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
ĐT: 031. 3 797 268 | Fax: 031. 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Lầu 5, Tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn
Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 3 547 2323 | Fax: 08. 3 547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Thanh Hóa:

Số 30 Từ Đạo Hạnh, Phường Đông Thọ
TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
ĐT: 0373 758 959 | Fax: 0378 886 866
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn

Branch in Hai Phong City:

No. 4, Nguyen Trai Street, May To Ward
Ngo Quyen District, Hai Phong City
Tel: (84) 31 3 797 268 | Fax: (84) 31 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Ho Chi Minh City:

5th Floor, Hai Au TIC Building, 39B Truong Son
4 Ward, Tan Binh District, Ho Chi Minh City
Tel: (84) 8 3547 2323 | Fax: (84) 8 3547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Branch in Thanh Hoa City:

No. 30, Tu Dao Hanh Street, Dong Tho Ward
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province
Tel: 0373 758 959 | Fax: 0378 886 866
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn